



RSM DTL Auditing
Connected for Success

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào
ngày 30 tháng 6 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 6 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 37



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 6 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại tại Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có đầu tư vào 02 công ty con.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh tại Thôn Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 69 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo B, Phường 5, Thị xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 14/20 Quốc Lộ 1A, Ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại 105/49A Ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

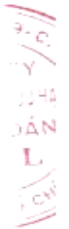
2. THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	01/6/2007	
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch	28/4/2011	
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	25/4/2008	
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Thành viên	11/4/2011	
Ông Huỳnh Ngọc Mẫn	Thành viên	24/4/2014	

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban
Bà Phan Quỳnh Diễm Châu	Thành viên
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	15/4/2004	
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2009	
Ông Vũ Thành Nam	Giám đốc Tài Chính	02/11/2012	03/07/2014
Bà Nguyễn Thị Phước Diên	Kế toán trưởng	02/11/2012	

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho các giai đoạn tài chính tiếp theo của Nhóm công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Bình Dương, ngày 29 tháng 8 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THANH NGHĨA



Số: 15.146/BCSXHN-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 được lập ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty") từ trang 05 đến trang 37 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Nhóm công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN HOÀNG VY THẢO

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1727-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.134.696.011.512	1.339.070.883.169
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	13.421.234.369	102.869.673.266
1. Tiền	111		3.421.234.369	17.149.600.913
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	85.720.072.353
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	986.841.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	988.103.451
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	(1.262.451)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.2)	90.842.767.284	133.650.787.214
1. Phải thu khách hàng	131		81.226.456.437	94.700.274.006
2. Trả trước cho người bán	132		3.038.316.639	12.973.565.358
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		16.251.252.628	35.567.669.800
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(9.673.258.420)	(9.590.721.950)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	966.652.443.634	1.062.204.700.037
1. Hàng tồn kho	141		971.759.291.554	1.080.940.047.890
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.106.847.920)	(18.735.347.853)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		63.779.566.225	39.358.881.652
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.4)	7.737.130.767	7.544.520.858
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		40.708.219.028	9.079.292.382
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.135.286	21.692.876
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	15.333.081.144	22.713.375.536

(phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		945.771.582.232	939.765.702.793
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		941.737.466.538	935.864.693.478
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.6)	692.350.925.788	722.850.930.483
+ Nguyên giá	222		826.887.714.102	829.064.114.192
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(134.536.788.314)	(106.213.183.709)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	(5.7)	7.754.463.550	8.400.668.848
+ Nguyên giá	225		10.339.284.741	10.339.284.741
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.584.821.191)	(1.938.615.893)
3. TSCĐ vô hình	227	(5.8)	57.730.799.347	58.450.742.155
+ Nguyên giá	228		62.961.546.808	62.961.546.808
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.230.747.461)	(4.510.804.653)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.9)	183.901.277.853	146.162.351.992
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.059.782.641	941.482.641
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.059.782.641	941.482.641
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.974.333.054	2.959.526.674
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8.551.538	55.369.865
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	(6.10)	2.660.312.596	2.598.687.889
3. Tài sản dài hạn khác	268		305.468.920	305.468.920
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.080.467.593.745	2.278.836.585.962

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.261.290.067.662	1.536.215.773.799
I. Nợ ngắn hạn	310		1.100.460.546.230	1.270.466.153.813
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.10)	816.948.112.355	714.456.822.063
2. Phải trả người bán	312	(5.11)	235.661.721.793	475.291.044.025
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.11)	16.997.071.989	41.712.658.824
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.12)	6.379.886.072	12.245.243.447
5. Phải trả người lao động	315	(5.13)	1.603.774.895	5.223.777.963
6. Chi phí phải trả	316	(5.14)	10.260.047.556	10.591.223.258
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.15)	9.749.973.329	8.555.967.449
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.16)	2.859.958.241	2.389.416.784
II. Nợ dài hạn	330		160.829.521.432	265.749.619.986
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.17)	160.829.521.432	265.749.619.986
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		819.177.526.083	742.620.812.163
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.18)	819.177.526.083	742.620.812.163
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	501.360.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.758.033.540	160.852.283.540
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(58.638.685.584)	(58.638.685.584)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		26.956.805.237	26.017.792.309
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.512.121.366	2.479.121.366
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		73.233.211.524	110.549.400.532
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.080.467.593.745	2.278.836.585.962

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

CHỈ TIÊU	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.812.487.702	1.812.487.702
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		11.155,53	448.132,68
+ EUR		100,27	100,27
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 29 tháng 8 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



VŨ THỊ VUI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THANH NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		951.324.918.478	971.249.309.238
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.453.072.222	2.118.851.436
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	949.871.846.256	969.130.457.802
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	868.056.306.542	898.790.392.610
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.815.539.714	70.340.065.192
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	3.571.315.749	1.425.621.638
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	37.167.228.883	30.708.091.655
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		32.976.023.396	21.859.485.153
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	9.438.154.278	8.951.751.676
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	26.675.933.194	21.644.370.520
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.105.539.108	10.461.472.979
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	1.833.998.490	244.526.831
12. Chi phí khác	32	(6.8)	2.540.835.901	2.830.571.048
13. Lợi nhuận khác	40		(706.837.411)	(2.586.044.217)
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		11.398.701.697	7.875.428.762
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	(6.9)	251.801.014	460.559.414
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	(6.10)	(61.624.707)	(558.843.284)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		11.208.525.390	7.973.712.632
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		11.208.525.390	7.973.712.632
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	(5.18.4)	221	170

Bình Dương, ngày 29 tháng 8 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





VŨ THỊ VUI

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

NGUYỄN THANH NGHĨA

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.398.701.697	7.875.428.762
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		30.790.873.288	33.782.824.282
Các khoản dự phòng	03		(13.547.225.914)	(2.241.530.942)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		3.976.189.795	7.337.804.745
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.161.437.032)	(869.900.382)
Chi phí lãi vay	06		32.976.023.396	21.859.485.154
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		62.433.125.230	67.744.111.619
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		19.552.112.152	(174.699.641.925)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		73.557.233.340	(116.617.531.916)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(273.259.905.581)	385.622.147.090
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(171.358.903)	176.277.923
Tiền lãi vay đã trả	13		(33.343.849.098)	(37.029.622.723)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.436.737.246)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	231.531.182.723
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(143.866.299)	(241.898.918.683)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(152.813.246.405)	114.828.004.109
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.452.309.777)	(65.267.033.605)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.750.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(118.300.000)	(372.947.308)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.760.890.357	218.883.150
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.940.280.580	(65.421.097.763)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		66.087.570.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.050.124.318.180	782.978.169.380
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.053.805.005.037)	(749.038.032.465)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.781.902.030)	(1.781.902.032)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		60.624.981.113	32.158.234.883
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(89.247.984.712)	81.565.141.229
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		102.869.673.266	27.467.867.667
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(200.454.185)	69.809.466
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		13.421.234.369	109.102.818.362

Bình Dương, ngày 29 tháng 8 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



VŨ THỊ VUI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 04 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 6 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại địa chỉ tại Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 6 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh tại Thôn Giàng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 69 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo B, Phường 5, Thị xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 14/20 Quốc Lộ 1A, Ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại 105/49A Ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 562 (31/12/2013: 617).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Ngành nghề sản xuất chính của Công ty là:
 - + Sản xuất thép cán nóng (P/O), thép cán nguội (C/R), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu (tôn mạ màu), thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gỗ thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gỗ.
 - + Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng. Sản xuất tấm lợp các loại.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:
 - + Mua bán sắt thép các loại.
- Ngành nghề kinh doanh khác của Công ty là:
 - + Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
 - + Đại lý mua bán, kỹ gửi hàng hóa.
 - + Mua bán nông sản.
 - + Mua bán vỏ, ruột xe.
 - + Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
 - + Xây dựng nhà các loại.
 - + Thi công hệ thống điện công trình.
 - + Thi công hệ thống nước công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- + Đúc sắt, thép.
- + Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
- + Chế biến nông sản.
- + Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.
- + Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- + Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- + Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh).

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, đường 22, KCN Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	100%	100%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Nhóm công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm công cụ dụng cụ và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 20 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
+ Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 07 năm

4.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lộ đất là từ 39 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là 08 năm.

4.8. Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản nợ phải trả tương ứng cho người đi thuê được hạch toán như khoản nợ thuê tài chính phải trả. Khoản thanh toán tiền thuê được phân tách thành chi phí tài chính và khoản giảm trừ nợ thuê tài chính phải trả để đạt được tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả. Chi phí tài chính được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trừ khi chúng liên quan tới các tài sản đủ tiêu chuẩn.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Nhóm công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Máy móc, thiết bị

08 năm

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

- Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác

- + Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Nhóm công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- + Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Nhóm công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Nhóm công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.13. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Nhóm công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Nhóm công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Nhóm công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

4.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung của cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

	<u>Mục đích</u>	<u>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính hợp nhất</u>
+ Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu	5%
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

- Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.16. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

4.17. Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.
- Các công ty trong Nhóm công ty được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

- + Đối với Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc:

Đối với hoạt động thương mại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 06 năm tiếp theo.

Đối với hoạt động sản xuất, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

- + Đối với Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Cung cấp hàng hóa	10%
+ Các dịch vụ khác	10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

4.18. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Nhóm công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Nhóm công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	210.789.552	293.261.030
Tiền gửi ngân hàng	3.210.444.817	16.855.709.883
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	85.720.702.353
Tổng cộng	13.421.234.369	102.869.673.266

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với số tiền là 10.018.628.656 VND được dùng để đảm bảo khoản vay của Công ty - Xem thêm mục 5.10.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	81.226.456.437	94.700.274.006
Trả trước cho người bán	3.038.316.639	12.973.565.358
Các khoản phải thu khác	16.251.252.628	35.567.669.800
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	100.516.025.704	143.241.509.164
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.673.258.420)	(9.590.721.950)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	90.842.767.284	133.650.787.214

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Nhóm công ty, được chi tiết như sau:

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng tại Công ty CP Đại Thiên Lộc	39.334.541.498	62.377.543.202
Phải thu khách hàng tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	41.720.370.091	32.151.185.956
Phải thu khách hàng tại Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	171.544.848	171.544.848
Cộng	81.226.456.437	94.700.274.006

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Trong khoản phải thu khách hàng có khoản phải thu từ các bên liên quan là 7.677.134.757 VND – Xem thêm mục 8.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu các khoản chi hộ, cho mượn từ các bên có liên quan – Xem thêm mục 8.	2.851.605.078	1.311.447.080
Tiền cho công nhân viên vay	500.000.000	500.000.000
Thuế GTGT chờ được khấu trừ	1.200.102.479	7.121.585.266
Thuế GTGT chờ được hoàn	7.942.770.781	22.242.813.785
Thuế nhập khẩu chờ được hoàn	1.584.922.724	1.584.922.724
Phải thu khác	2.171.851.566	2.806.900.945
Cộng	16.251.252.628	35.567.669.800

Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	(20.998)
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 02 năm	(164.862.796)	(216.591.618)
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 03 năm	(2.116.997.129)	(2.492.016.235)
Khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	(7.391.398.495)	(6.882.093.099)
Cộng	(9.673.258.420)	(9.590.721.950)

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	10.305.172.407	25.289.120.733
Nguyên liệu, vật liệu	375.417.620.373	51.389.201.374
Công cụ, dụng cụ	13.847.826.024	15.111.699.496
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	222.083.800	146.409.718
Thành phẩm	453.971.534.850	453.981.826.068
Hàng hóa	117.995.054.100	535.021.790.501
Cộng giá gốc hàng tồn kho	971.759.291.554	1.080.940.047.890
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.106.847.920)	(18.735.347.853)
Giá trị thuần có thể thực hiện	966.652.443.634	1.062.204.700.037

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ là 13.628.499.933 VND do hàng đã được bán ra trong kỳ.

Hàng tồn kho với giá trị là 109.984.668.304 VND được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ vay – Xem thêm mục 5.10.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là công cụ, dụng cụ xuất dùng phân bổ.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	121.280.420	121.280.420
Tạm ứng	3.982.147.238	3.441.042.310
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.229.653.486	19.151.052.806
Tổng cộng	15.333.081.144	22.713.375.536

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn là khoản ký quỹ dùng để mở LC thanh toán. Khoản ký quỹ với số tiền 3.688.444.800 VND được dùng để đảm bảo khoản vay của Công ty - Xem thêm mục 5.10.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Ngàn đồng					
	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	135.952.365	649.823.167	40.640.780	1.335.691	1.312.111	829.064.114
Phân loại lại	(7.405.402)	7.405.402	-	-	-	-
Mua trong kỳ	-	711.540	-	-	-	711.540
Đầu tư XD CB hoàn thành	38.645	-	-	-	-	38.645
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.926.585)	-	-	(2.926.585)
Số dư cuối kỳ	128.585.608	657.940.109	37.714.195	1.335.691	1.312.111	826.887.714
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	8.518.575	78.076.794	18.578.397	707.965	331.452	106.213.183
Phân loại lại	-	-	-	(18.241)	18.241	-
Khấu hao trong kỳ	3.258.582	24.064.428	2.390.319	91.200	96.208	29.900.737
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.577.132)	-	-	(1.577.132)
Số dư cuối kỳ	11.777.157	102.141.222	19.391.584	780.924	445.901	134.536.788
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	127.433.790	571.746.374	22.062.383	627.725	980.659	722.850.931
Tại ngày cuối kỳ	116.808.451	555.798.887	18.322.611	554.767	866.210	692.350.926

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 480.604.941.586 VND – Xem thêm 5.10 và 5.17.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 16.458.891.978 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	VND
Khoản mục	Máy móc thiết bị
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	10.339.284.741
Thuê tài chính trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	10.339.284.741
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.938.615.893
Khấu hao trong kỳ	646.205.298
Số dư cuối kỳ	2.584.821.191
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	8.400.668.848
Tại ngày cuối kỳ	7.754.463.550

Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong kỳ là 57.602.458 VND.

Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Tiền thuê được tính dựa trên giá trị thuê và lãi suất thuê được quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính số C120305502 ngày 05 tháng 6 năm 2012 của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease.

Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền mua tài sản: Bên Thuê đồng ý mua lại Tài sản thuê và Bên Cho Thuê đồng ý bán Tài sản Thuê với giá bằng giá trị còn lại được quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính số C120305502 ngày 05 tháng 6 năm 2012 của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	VND		
Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.453.742.788	57.061.865	4.510.804.653
Khấu hao trong kỳ	714.236.622	5.706.186	719.942.808
Số dư cuối kỳ	5.167.979.410	62.768.051	5.230.747.461
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	58.416.505.020	34.237.135	58.450.742.155
Tại ngày cuối kỳ	57.702.268.398	28.530.949	57.730.799.347

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 53.373.095.276 VND – Xem thêm mục 5.10 và 5.17.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Máy móc, dây chuyền sản xuất	163.363.447.358	128.505.822.055
Công trình văn phòng, nhà xưởng, nhà ăn	5.389.702.615	4.020.377.023
Công trình xây dựng đường trạm, hệ thống điện, PCCC, xử lý nước thải	12.031.939.563	12.024.816.142
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	3.116.188.317	1.611.336.772
Tổng cộng	183.901.277.853	146.162.351.992

5.10. Vay và nợ ngắn hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	769.956.112.355	656.921.402.783
Vay đối tượng khác	-	984.733.250
Vay dài hạn đến hạn trả	46.992.000.000	54.768.784.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	1.781.902.030
Tổng cộng	816.948.112.355	714.456.822.063

Các khoản vay ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu, chịu lãi suất từ 8% đến 10,5%/năm đối với VND và từ 4,5% đến 5,5%/năm đối với USD. Khoản vay được đảm bảo bằng số dư tiền gửi ngân hàng, số dư tiền gửi ký quỹ của Công ty tại Ngân hàng Sacombank, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, tài sản cố định vô hình, cổ phiếu và tài sản của bên có liên quan. Xem thêm mục 5.1, 5.3, 5.5, 5.6, 5.8 và 8.

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân có liên quan dưới hình thức tín chấp với lãi suất 0% cho 6 tháng đầu năm 2014 – Xem thêm mục 8.

Vay dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.17.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	235.661.721.793	475.291.044.025
Người mua trả tiền trước	16.997.071.989	41.712.658.824
Tổng cộng	252.658.793.782	517.003.702.849

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Nhóm công ty, được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán tại Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	133.281.902.006	204.374.979.874
Phải trả người bán tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	102.264.320.868	270.800.565.232
Phải trả người bán tại Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	115.498.919	115.498.919
Cộng	235.661.721.793	475.291.044.025

Trong đó có khoản phải trả cho các bên liên quan là 1.645.482.532 VND – Xem thêm mục 8.

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.252.922	19.886.496
Thuế xuất, nhập khẩu	5.063.113.479	9.703.914.547
Thuế thu nhập doanh nghiệp	379.666.506	1.585.833.614
Thuế thu nhập cá nhân	338.545.443	334.083.068
Các loại thuế khác	597.307.722	601.525.722
Tổng cộng	6.379.886.072	12.245.243.447

5.13. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 6 còn phải trả cho người lao động.

5.14. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí lãi vay	10.076.945.027	10.444.770.729
Chi phí khác	183.102.529	146.452.529
Tổng cộng	10.260.047.556	10.591.223.258

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	290.750.640	267.194.389
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.756.500.630	853.122.903
Cổ tức phải trả	152.737.500	152.737.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.549.984.559	7.282.912.657
Tổng cộng	9.749.973.329	8.555.967.449

Trong đó có khoản phải trả cho các bên liên quan là 753.091.600 VND – Xem thêm mục 8.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	2.389.416.784	5.292.988.954
Trích lập trong kỳ	563.407.757	395.554.000
Sử dụng trong kỳ	(92.866.300)	(363.324.970)
Số dư cuối kỳ	2.859.958.241	5.325.217.984

5.17. Vay và nợ dài hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	122.037.200.000	154.228.694.028
Vay đối tượng khác	38.792.321.432	111.520.925.958
Tổng cộng	160.829.521.432	265.749.619.986

Vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 48 tháng đến 60 tháng với lãi suất giao động từ 10,5%/năm đối với khoản vay VND và 7,5%/năm đối với khoản vay bằng USD để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng, đầu tư máy móc thiết bị của Dự án nhà máy thép cán nguội. Số dư nợ gốc đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 169.029.200.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 46.992.000.000 VND – Xem thêm mục 5.10.

Vay dài hạn đối tượng khác là các khoản vay cá nhân liên quan có thời hạn 24 tháng dưới hình thức tín chấp, 6 tháng đầu năm 2014 lãi suất 0% – Xem thêm mục 8.

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng: Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình – Xem thêm mục 5.6 và 5.8.

(Phần tiếp theo ở trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.18. Vốn chủ sở hữu

5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	VND Cộng
Số dư đầu năm trước	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	25.358.534.309	2.632.796.366	93.179.154.569	724.744.983.200
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	18.780.258.568	18.780.258.568
Trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	659.258.000	65.925.000	(725.183.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(395.554.000)	(395.554.000)
Chi quỹ năm trước	-	-	-	-	(219.600.000)	-	(219.600.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(289.275.605)	(289.275.605)
Số dư đầu năm nay	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	26.017.792.309	2.479.121.366	110.549.400.532	742.620.812.163
Tăng vốn do phát hành cổ phần	66.087.570.000	(94.250.000)	-	-	-	-	65.993.320.000
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phần	46.907.570.000	-	-	-	-	(46.907.570.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	11.208.525.390	11.208.525.390
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	939.012.928	84.000.000	(1.023.012.928)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(563.407.757)	(563.407.757)
Chi quỹ	-	-	-	-	(51.000.000)	-	(51.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(30.723.713)	(30.723.713)
Số dư cuối kỳ	614.356.040.000	160.758.033.540	(58.638.685.584)	26.956.805.237	2.512.121.366	73.233.211.524	819.177.526.083

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.18.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

Là vốn góp của các cổ đông.

5.18.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	61.863.162	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	61.435.604	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	3.227.840	3.227.840
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	58.207.764	46.908.250
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.18.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	11.208.525.390	7.973.712.632
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	50.815.551	46.908.250
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	221	170

5.18.5. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	110.549.400.532	93.179.154.569
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	11.208.525.390	7.973.712.632
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(939.012.928)	(659.258.000)
Trích lập Quỹ khác từ vốn chủ sở hữu	(84.000.000)	(65.925.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(563.407.757)	(395.554.000)
Chia cổ tức bằng cổ phần	(46.907.570.000)	-
Tăng khác/(giảm khác)	(30.723.713)	(117.364.516)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	73.233.211.524	99.914.765.685

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa	500.032.838.320	487.832.416.037
Doanh thu bán thành phẩm	451.292.080.158	483.416.893.201
Giảm giá hàng bán	(1.344.455.847)	(72.331.790)
Hàng bán bị trả lại	(108.616.375)	(2.046.519.646)
Doanh thu thuần	949.871.846.256	969.130.457.802

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	470.805.552.163	479.137.873.764
Giá vốn của thành phẩm đã bán	410.879.254.312	421.899.033.366
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.628.499.933)	(2.246.514.520)
Tổng cộng	868.056.306.542	898.790.392.610

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.754.485.357	896.567.039
Lãi đầu tư chứng khoán	259.626.549	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	525.657.580	529.054.599
Doanh thu hoạt động tài chính khác	25.141.263	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	6.405.000	
Tổng cộng	3.571.315.749	1.425.621.638

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	32.918.420.938	21.709.683.237
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	214.388.948	1.714.975.759
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.976.189.795	7.337.804.746
Chi phí lãi thuê tài chính	57.602.458	149.801.916
Chi phí tài chính khác	1.889.195	
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(1.262.451)	(204.174.003)
Tổng cộng	37.167.228.883	30.708.091.655

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	1.666.392.709	1.475.371.882
Chi phí vật liệu, bao bì	230.016.137	4.279.503.836
Chi phí công cụ, dụng cụ	27.049.445	12.487.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.169.206	57.169.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.125.766	70.473.509
Chi phí khác	7.339.401.015	3.056.746.243
Tổng cộng	9.438.154.278	8.951.751.676

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	8.690.169.788	2.207.833.872
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	912.274.040	6.358.476.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.553.496.388	2.402.392.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.772.927.588	5.452.818.815
Chi phí khác	4.664.528.920	5.013.691.874
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	82.536.470	209.157.581
Tổng cộng	26.675.933.194	21.644.370.520

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thu thanh lý tài sản cố định	1.750.863.641	-
Thu nhập khác	83.134.849	244.526.831
Tổng cộng	1.833.998.490	244.526.831

6.8. Chi phí khác

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền phạt, tiền bồi thường	2.856.511	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.365.322.714	26.666.657
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm dừng hoạt động	1.164.192.881	2.763.414.104
Chi phí khác	8.463.795	40.490.287
Tổng cộng	2.540.835.901	2.830.571.048

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế suất thuế TNDN của từng công ty trong Nhóm công ty như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Thuế suất thuế TNDN kỳ này</u>
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	+ Hoạt động thương mại 22%
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	+ Hoạt động sản xuất 15%
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Đang được miễn thuế 22%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

6.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Nhóm công ty và những biến động trong kỳ và kỳ trước được trình bày như sau:

	VND
	Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch bán hàng nội bộ
Số dư đầu năm trước	(298.322.384)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(2.300.365.505)
Số dư đầu năm nay	(2.598.687.889)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh trong kỳ	(61.624.707)
Số dư cuối kỳ	(2.660.312.596)

6.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	470.805.552.163	479.137.873.763
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	359.311.458.855	392.891.024.647
Chi phí nhân công	18.863.570.401	17.964.831.499
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.626.680.407	31.019.410.178
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.628.515.053	12.321.258.807
Chi phí khác	10.310.847.096	11.666.737.854
Tổng cộng	914.546.623.975	945.001.136.748

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Nhóm công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất sắt, thép các loại.
- Lĩnh vực thương mại: mua bán sắt, thép các loại.
- Hoạt động khác: dịch vụ vận chuyển, lưu kho, xây dựng, gia công.

(Phần tiếp theo ở trang 31)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Triệu đồng									
	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loai trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	450.241	481.859	499.631	487.271	-	-	-	-	949.872	969.130
Giữa các bộ phận	501.249	373.960	1.115.646	1.162.997	-	-	(1.616.895)	(1.536.957)	-	-
Tổng cộng	951.490	855.819	1.615.277	1.650.268	-	-	(1.616.895)	(1.536.957)	949.872	969.130
Kết quả của bộ phận	39.883	60.250	41.932	10.090	-	-	-	-	81.815	70.340
Chi phí không phân bổ									(36.114)	(30.596)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính, thu nhập khác và chi phí khác									45.701	39.744
Thu nhập tài chính									3.571	1.426
Chi phí tài chính									(37.167)	(30.708)
Thu nhập khác									1.834	245
Chi phí khác									(2.541)	(2.831)
Lợi nhuận trước thuế									11.398	7.876
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(251)	(461)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại									62	559
Lợi nhuận sau thuế									11.209	7.974
Các thông tin khác										
	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loai trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	451.906	449.075	114.954	509.102	-	-	-	-	566.860	958.177
Tài sản không phân bổ									1.513.608	1.320.660
Tổng tài sản									2.080.468	2.278.837

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

										Triệu đồng	
<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>				<u>Tổng cộng</u>	
Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
Nợ phải trả không phân bổ										1.261.290	1.536.216
Tổng nợ phải trả										1.261.290	1.536.216

										Triệu đồng	
<u>Lĩnh vực sản xuất</u>		<u>Lĩnh vực thương mại</u>		<u>Hoạt động khác</u>		<u>Loại trừ</u>				<u>Tổng cộng</u>	
Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí mua sắm tài sản										37.541	78.391
Chi phí khấu hao tài sản cố định										31.267	33.783

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Nhóm công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

										Triệu đồng	
		<u>Trong nước</u>		<u>Ngoài nước</u>		<u>Các khu vực khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
		Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu											
Từ khách hàng bên ngoài		593.662	825.350	356.210	143.781	-	-	-	-	949.872	969.131
Giữa các bộ phận		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng		593.662	825.350	356.210	143.781	-	-	-	-	949.872	969.131
Chi phí mua sắm tài sản		37.541	78.391	-	-	-	-	-	-	37.541	78.391
Tài sản của bộ phận		2.052.760	2.228.362	27.708	50.475	-	-	-	-	2.080.468	2.278.837

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

(Phần tiếp theo ở trang 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Nhóm công ty:

<u>Tên công ty và cá nhân</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc	Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan
2. Công ty TNHH Cơ Khí và Xây dựng Đại Thiên Lộc	Công ty đầu tư
3. Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	Cổ đông lớn
4. Công ty CP Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Cổ đông lớn
5. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
6. Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
7. Bà Nguyễn Thanh Dung	Quan hệ ruột thịt với BGD và HĐQT
8. Bà Nguyễn Thanh Loan	Quan hệ ruột thịt với BGD và HĐQT

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	7.677.134.757	11.053.474.126
Phải thu khác - Xem thêm mục 5.2	2.851.605.078	1.473.534.249
Phải trả - Xem thêm mục 5.11	(1.645.482.532)	(2.055.851.616)
Phải trả khác - Xem thêm mục 5.15	(753.091.600)	(753.091.600)
Phải trả lãi vay	(8.712.350.955)	(8.712.350.955)
Phải trả nợ vay - Xem thêm mục 5.10 và 5.17	(38.792.321.432)	(112.505.659.208)

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Vay trong kỳ	2.980.900.000	110.566.466.721
Trả tiền vay trong kỳ	76.694.237.776	-
Chi phí lãi vay	-	97.488.592
Mua hàng	50.315.880.000	170.656.697.893
Bán hàng	62.075.459.514	209.277.535.183
Mượn tiền		7.871.095.700
Được bảo lãnh, thế chấp từ cá nhân có liên quan	159.246.400.000 ^(*)	158.400.400.000 ^(*)

Giá bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Các khoản công nợ phải thu không có đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cần trừ công nợ. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Công ty cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Các khoản tiền mượn và cho mượn không chịu lãi suất. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất là 0% trong 6 tháng đầu năm 2014.

(¹) Các khoản vay ngân hàng cũng được đảm bảo bằng tài sản của bên liên quan với giá trị theo biên bản định giá.

- Thủ lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thủ lao Hội đồng quản trị của các công ty trong Nhóm công ty	51.000.000	219.600.000
Lương Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác của các công ty trong Nhóm công ty	547.457.200	776.259.100
Tổng cộng	598.457.200	995.859.100

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Nhóm công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Nhóm công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Nhóm công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Nhóm công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.18.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.421.234.369	102.869.673.266
Phải thu khách hàng và phải thu khác	77.076.654.661	89.727.900.081
Đầu tư ngắn hạn	-	986.841.000
Đầu tư dài hạn	1.059.782.641	941.482.641
Tổng cộng	91.557.671.671	194.525.896.988

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Công nợ tài chính

Các khoản vay	977.777.633.787	980.206.442.049
Phải trả người bán và phải trả khác	243.211.706.352	482.573.956.682
Chi phí phải trả	10.260.047.556	10.591.223.258
Tổng cộng	1.231.249.387.695	1.473.371.621.989

Nhóm công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Nhóm công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Nhóm công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Nhóm công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Nhóm công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Nhóm công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2014	01/01/2014	30/6/2014	01/01/2014
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	20.828.771,89	31.358.566,73	2.665.755,90	2.817.583,95
<i>Euro (EUR)</i>	-	-	100,27	100,27

Quản lý rủi ro lãi suất

Nhóm công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Nhóm công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Nhóm công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Nhóm công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Nhóm công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

- **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Nhóm công ty. Nhóm công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Nhóm công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Nhóm công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

- **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Nhóm công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Nhóm công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Nhóm công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Nhóm công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Nhóm công ty phải trả.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
30/6/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	243.211.706.352	-	243.211.706.352
Chi phí phải trả	10.260.047.556	-	10.260.047.556
Các khoản vay	816.948.112.355	160.829.521.432	977.777.633.787
01/01/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	482.573.956.682	-	482.573.956.682
Chi phí phải trả	10.591.223.258	-	10.591.223.258
Các khoản vay	714.456.822.063	265.749.619.986	980.206.442.049

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Nhóm công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
30/6/2014			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	77.076.654.661	-	77.076.654.661
Đầu tư dài hạn khác	-	1.059.782.641	1.059.782.641

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.727.900.081	-	89.727.900.081
Đầu tư ngắn hạn khác	986.841.000	-	986.841.000
Đầu tư dài hạn khác	-	941.482.641	941.482.641

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Do tái cơ cấu lại Nhóm công ty theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 7 tháng 11 năm 2012, Công ty quyết định giải thể 02 chi nhánh là Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương; Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương và Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 02 tháng 10 năm 2013 Công ty quyết định chấm dứt hoạt động Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, 02 chi nhánh và Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc nêu trên vẫn đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 29 tháng 8 năm 2014.

Bình Dương, ngày 29 tháng 8 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ THỊ VUI

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

NGUYỄN THANH NGHĨA

